

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ - ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2017

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Xuân T, sinh năm 1978;

Bị đơn: Chị Trần Thị Mai L, sinh năm 1979.

Đều trú tại: Ngõ 2, đường T, phố A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Cao Xuân T trình bày:

Anh và chị L kết hôn ngày 22/6/2001, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu tự nguyện được đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về ở cùng với bố mẹ anh T tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, khoảng năm 2006 - 2008 thì chuyển ra ở riêng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về suy nghĩ và lối sống, cả hai có những lời nói không tôn trọng nhau, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên gia đình cố gắng dàn xếp, hòa giải để hai bên xoa dịu mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 13/6/2002 và Cao Xuân N, sinh ngày 13/9/2011. Ly hôn, anh T xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M; chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công sức, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, hòa giải, bị đơn chị Trần Thị Mai L trình bày: Chị xác nhận thời gian kết hôn; quá trình chung sống; nguyên nhân mâu thuẫn như anh T đã trình bày là đúng. Anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân do quan điểm, tính cách trái ngược nhau dẫn đến hai bên lời qua tiếng lại thậm chí cãi chửi nhau rất nhiều lần. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất là năm 2014, vợ chồng anh chị xảy ra xô xát lớn, từ năm đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng liên tục diễn ra, ngày càng trầm trọng. Mặc dù cả hai bên gia đình cùng với anh chị đã hòa giải, dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, chị L mong muốn các con sống có đầy đủ cả bố và mẹ nên chị L không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày là đúng. Nếu ly hôn, chị L xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N; anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công sức, vay nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân thành phố V đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T và chị L cư trú; ghi ý kiến quan điểm của mẹ anh T, con của anh T và chị L. Kết quả thể hiện:

Tổ dân phố và chính quyền địa phương cung cấp: Anh T và chị L kết hôn năm 2001, hiện nay anh chị đang sống tại Tổ dân phố A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian một đến hai năm trở lại đây, anh chị có mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau và có đôi khi vợ chồng diễn ra tình trạng sống ly thân.

Bà Phùng Thị N, sinh năm: 1956, ở phố T2, phường H, thành phố V (mẹ đẻ anh T) cung cấp: Anh T và chị L kết hôn năm 2001, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với gia đình bà được vài năm thì chuyển ra ở riêng. Thời gian gần đây, chị L không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình, không nấu cơm nước đầy đủ cho anh T, để mặc anh T tự nấu ăn hoặc đi ăn cơm bụi.

Cháu Cao Xuân M, sinh ngày 13/6/2002 có quan điểm: Nếu anh T và chị L ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu và có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố

tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 52, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân T, xử cho anh Cao Xuân T được ly hôn chị Trần Thị Mai L; giao cháu Cao Xuân M, sinh ngày 13/6/2002 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Cao Xuân N, sinh ngày 13/9/2011 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản, công sức, vay nợ các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết; về án phí anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã 02 lần triệu tập hợp lệ bị đơn là chị Trần Thị Mai L đến phiên tòa, tuy nhiên chị L đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Mai L theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân T với chị Trần Thị Mai L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tìm hiểu và đăng ký hợp lệ. Do đó, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn là năm 2010. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm về suy nghĩ và lối sống, cả hai có những lời nói không tôn trọng nhau, xúc phạm lẫn nhau. Nay anh T và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh T xin ly hôn, còn chị L không đồng ý ly hôn, vì chị mong muốn các con có đầy đủ cả bố và mẹ. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, bởi lẽ: Giữa anh T với chị L đã tồn tại mâu thuẫn từ lâu, cả hai bên thiếu sự quan tâm, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm nhau nhiều lần, không có thiện chí cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn nhằm giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Điều này cũng đồng nghĩa với yêu cầu xin đoàn tụ của chị L là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị L có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 13/6/2002 và Cao Xuân N, sinh ngày 13/9/2011. Ly hôn, anh chị thỏa thuận chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N; anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M.

Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản, công sức, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Cao Xuân T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho anh Cao Xuân T được ly hôn chị Trần Thị Mai L.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Xuân M, sinh ngày 13/6/2002 cho anh Cao Xuân T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Cao Xuân N, sinh ngày 13/9/2011 cho chị Trần Thị Mai L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Cao Xuân T phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0000103 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V (anh T đã nộp đủ án phí).

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tp V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự trong vụ án;
- Ủy ban nhân dân phường H (ĐKKH ngày 22/6/2001)
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Mạnh